

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 18/2021/HC-GĐT

Ngày 06/7/2021

V/v khiếu kiện các quyết định hành
chính về việc thu hồi giấy chứng
nhận quyền sử dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thuận;

Các Thẩm phán: - Ông Trần Văn Cò;

- Bà Đào Thị Xuân Lan;

- Ông Trần Hồng Hà;

- Ông Phạm Quốc Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hòa, Thư ký Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 06/7/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao đã mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hành chính về “Khiếu kiện các quyết định hành chính về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1942;

Cư trú tại: 85/1 ấp N, xã H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện:

- Ông Trần H, sinh năm 1990; trú tại số 240 đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền ngày 19/3/2016 của bà Nguyễn Thị H).

- Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1947; trú tại 85/1 ấp N, xã H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền ngày 30/5/2018 của bà Nguyễn Thị H).

2. Người bị kiện: UBND thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

Địa chỉ: 90 H, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1965, Phó Chủ tịch UBND thành phố B, tỉnh Đồng Nai (được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số 1756/UQ-CT ngày 17/02/2017 của Chủ tịch UBND thành phố B, tỉnh Đồng Nai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các Thửa đất số 20, 21, 30, 31, 41, 42 Tờ Bản đồ số 5, số 43 Tờ Bản đồ số 7 và số 3, 4 Tờ Bản đồ số 12, tọa lạc tại xã H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai có nguồn gốc thuộc một phần trong tổng diện tích hơn 03 ha của ông Nguyễn Văn V (cha bà Nguyễn Thị H) được Nhà nước Việt Nam Cộng Hòa cấp trích lục địa bộ ngày 25/5/1973. Ông V chết năm 1968, toàn bộ diện tích đất nêu trên để lại cho bà H trực tiếp canh tác.

Năm 1978, thực hiện chủ trương chính sách đất đai của Nhà nước, bà H đã đưa toàn bộ diện tích đất nêu trên tham gia vào Hợp tác xã nông nghiệp xã H.

Theo bà H, năm 1986 Hợp tác xã tan rã, bà H tiếp tục canh tác các thửa đất nêu trên của gia đình.

Năm 1998, Nhà nước thực hiện việc đo đạc, lập Bản đồ địa chính cho toàn bộ thành phố B.

Ngày 09/5/2000, bà H đến UBND xã H lập hồ sơ kê khai đăng ký đồng loạt các thửa đất nêu trên.

Ngày 31/7/2009, UBND thành phố B cấp 09 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 09 thửa đất nêu trên với mục đích sử dụng đất là trồng lúa cho bà Nguyễn Thị H cụ thể như sau: Thửa đất số 20, Tờ bản đồ số 5 có diện tích 887,6 m²; Thửa đất số 21, Tờ bản đồ số 5 có diện tích 2.035,8 m²; Thửa đất số 30, Tờ bản đồ số 5 có diện tích 1.627,9 m²; Thửa đất số 31, Tờ bản đồ số 5 có diện tích 1.745,8 m²; Thửa đất số 41, Tờ bản đồ số 5 có diện tích 2.443,6 m²; Thửa đất số 42, Tờ bản đồ số 5 có diện tích 1.654,6 m²; Thửa đất số 43, Tờ bản đồ số 7 có diện tích 1.571,5 m²; Thửa đất số 3, Tờ bản đồ số 12 có diện tích 1.346,3 m²; Thửa đất số 4, Tờ bản đồ số 12 có diện tích 989,2 m².

Ngày 24/5/2015 các hộ dân gồm các ông Nguyễn Quốc V, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn L, bà Đặng Thị Đ, bà Trịnh Thị Kim T có đơn đề nghị kiểm tra, xem xét trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H đối với các Thửa đất số 20, 21, 30, 31 Tờ bản đồ số 5; Thửa đất số 43 Tờ bản đồ số 7 và Thửa đất số 3,4 Tờ bản đồ số 12 xã H với lý do các thửa đất nêu trên do các hộ dân trực tiếp sử dụng từ trước năm 1980 đến nay.

Ngày 28/12/2015 và ngày 22/9/2016, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B có các Tờ trình số 7507, 7508, 7509, 7510, 7511, 7512, 7513 và các Tờ trình số 5882, 5883 đã xác định các thửa đất nêu trên đã được gia đình bà H đưa vào Tập đoàn sản xuất theo chương trình cải cách ruộng đất năm 1978-1979 của Nhà nước, sau đó Tập đoàn đã giao khoán, phân chia lại cho các xã viên sử

dụng, cụ thể như sau: Hộ ông Nguyễn Văn C giao sử dụng Thửa đất số 20, 21 Tờ bản đồ số 5; hộ ông Nguyễn Văn L giao sử dụng Thửa đất số 30, 31, 42 Tờ bản đồ số 5; hộ ông Lê Văn T sử dụng Thửa đất số 41, Tờ bản đồ số 5; hộ bà Đặng Thị L giao sử dụng Thửa 43, Tờ bản đồ số 7, bà L chết, em bà L là bà Đặng Thị Đ tiếp tục sử dụng; hộ ông Nguyễn Văn L giao sử dụng Thửa đất số 3, 4 Tờ bản đồ số 12, năm 2005 ông L chết, ông Nguyễn Quốc V là con tiếp tục quản lý, sử dụng. Từ năm 1980 đến nay, các hộ dân này là người trực tiếp quản lý, sử dụng đất, nhưng các thửa đất trên lại được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H là không đúng đối tượng sử dụng đất. Do đó, đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành các Quyết định thu hồi lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà H.

Ngày 29/5/2015, UBND thành phố B ban hành 07 Quyết định gồm (Quyết định số 731/QĐ-UBND, Quyết định số 732/QĐ-UBND, Quyết định số 733/QĐ-UBND, Quyết định số 734/QĐ-UBND, Quyết định số 735/QĐ-UBND, Quyết định số 736/QĐ-UBND và Quyết định số 737/QĐ-UBND) thu hồi 07 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà H đối với các thửa đất tương ứng gồm Thửa đất số 31 Tờ bản đồ số 5; Thửa đất số 3, 4 Tờ bản đồ số 12; Thửa đất số 30 Tờ bản đồ số 5; Thửa đất số 43 Tờ bản đồ số 7; Thửa đất số 21 Tờ bản đồ số 5 và Thửa đất số 20 Tờ bản đồ số 5.

Ngày 07/7/2017, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 2938/QĐ-UBND về việc đính chính năm ban hành 07 QĐ thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên từ ngày ngày 29/02/2015 thành ngày 29/02/2016.

Ngày 07/10/2016, UBND thành phố B ban hành các Quyết định số 6116/QĐ-UBND và Quyết định số 6117/QĐ-UBND thu hồi 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà H đối với các Thửa đất số 41, 42 Tờ bản đồ số 5 xã H.

Không đồng ý với 09 Quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, ngày 17/3/2016 bà H có đơn khởi kiện; ngày 09/01/2017 bà H có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án hủy toàn bộ 09 Quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên của UBND thành phố B, tỉnh Đồng Nai, với nội dung:

Sau khi đưa đất vào Hợp tác xã theo chủ trương chung của Nhà nước, đến năm 1986, Hợp tác xã tan rã thì gia đình bà tiếp tục quản lý, canh tác sử dụng các thửa đất nêu trên và đã kê khai đăng ký, đóng thuế sử dụng đất nông nghiệp cho Nhà nước. Năm 2000, bà đi đăng ký kê khai và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng theo quy định của pháp luật. Từ năm 2003 trở đi, Nhà nước miễn thuế đất nông nghiệp, bà đã tắt toán thuế đến năm 2002. Do tuổi cao, không còn sức khỏe để trồng lúa. Vào khoảng năm 2004, bà có để lại cho một số người xung quanh tận dụng để trồng cỏ, nuôi bò và trồng một số cây như Tràm,

Chuôi (tất cả đều không quá 03 năm tuổi). UBND thành phố B đã không tìm hiểu kỹ nguồn gốc đất, chỉ nhìn vào hiện trạng đã vội vàng kết luận các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà là sai đối tượng nên đã ban hành các Quyết định thu hồi các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà là không đúng.

Người đại diện theo ủy quyền của Người bị kiện trình bày:

UBND thành phố B đã căn cứ vào Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai để ban hành 09 quyết định thu hồi 09 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên của bà H là đúng trình tự, thủ tục và đúng pháp luật. Đề nghị, Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2017/HC-ST ngày 31/10/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai quyết định:

“Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định sau đây của UBND thành phố B: Quyết định số 731, Quyết định số 732, Quyết định số 733, Quyết định số 734, Quyết định số 735, Quyết định số 736, Quyết định số 737, Quyết định số 6116 và Quyết định số 6117 (các quyết định từ số 731 đến 737 được sửa ngày tháng năm ban hành từ ngày 29/02/2015 thành 29/02/2016)”.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/11/2017, bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 182/2018/HC-PT ngày 07/6/2018, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

“Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H; sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2017/HCST ngày 31/10/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H; hủy các quyết định sau đây của UBND thành phố B, tỉnh Đồng Nai:

- Quyết định số 731/QĐ-UBND ngày 29/02/2015 (đúng ngày là 29/02/2016) của UBND thành phố B, tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 069693 ngày 31/07/2009 do UBND thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp cho bà Nguyễn Thị H.

- Quyết định số 732/QĐ-UBND ngày 29/02/2015 (đúng ngày là 29/02/2016) của UBND thành phố B, tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 045713 ngày 31/07/2009 do UBND thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp cho bà Nguyễn Thị H.

- Quyết định số 733/QĐ-UBND ngày 29/02/2015 (đúng ngày là 29/02/2016) của UBND thành phố B, tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 045715 ngày 31/07/2009 do UBND thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp cho bà Nguyễn Thị H.

- Quyết định số 734/QĐ-UBND ngày 29/02/2015 (đúng ngày là 29/02/2016) của UBND thành phố B, tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 069691 ngày 31/07/2009 do UBND thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp cho bà Nguyễn Thị H.

- Quyết định số 735/QĐ-UBND ngày 29/02/2015 (đúng ngày là 29/02/2016) của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 045962 ngày 31/07/2009 do UBND thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp cho bà Nguyễn Thị H.

- Quyết định số 736/QĐ-UBND ngày 29/02/2015 (đúng ngày là 29/02/2016) của UBND thành phố B, tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 045721 ngày 31/07/2009 do UBND thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp cho bà Nguyễn Thị H.

- Quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 29/02/2015 (đúng ngày là 29/02/2016) của UBND thành phố B, tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 069690 ngày 31/07/2009 do UBND thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp cho bà Nguyễn Thị H.

- Quyết định số 6116/QĐ-UBND ngày 07/10/2016 của UBND thành phố B, tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 069692 ngày 31/07/2009 do UBND thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp cho bà Nguyễn Thị H.

- Quyết định số 6117/QĐ-UBND ngày 07/10/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 069694 ngày 31/07/2009 do UBND thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp cho bà Nguyễn Thị H.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 15/10/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai có Công văn số 812/TA-HC và ngày 25/9/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tiếp tục có Công văn số 808/TA-HC kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án hành chính phúc thẩm nêu trên; đề nghị giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2017/HC-ST ngày 31/10/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 08/2021/KN-HC ngày 18/3/2021, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 182/2018/HC-PT ngày 07/6/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám

độc thẩm, hủy Bản án hành chính phúc thẩm nêu trên; hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2017/HC-ST ngày 31/10/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai để xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật. Tạm đình chỉ thi hành Bản án hành chính phúc thẩm nêu trên cho đến khi có Quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 08/2021/KN-HC ngày 18/3/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thừa đất số 20, Tờ bản đồ số 5 có diện tích 887,6 m²; Thừa đất số 21, Tờ bản đồ số 5 có diện tích 2.035,8 m²; Thừa đất số 30, Tờ bản đồ số 5 có diện tích 1.627,9 m²; Thừa đất số 31, Tờ bản đồ số 5 có diện tích 1.745,8 m²; Thừa đất số 41, Tờ bản đồ số 5 có diện tích 2.443,6 m²; Thừa đất số 42, Tờ bản đồ số 5 có diện tích 1.654,6 m²; Thừa đất số 43, Tờ bản đồ số 7 có diện tích 1.571,5 m²; Thừa đất số 3, Tờ bản đồ số 12 có diện tích 1.346,3 m² và Thừa đất số 4, Tờ bản đồ số 12 có diện tích 989,2 m² đều thuộc xã H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai có nguồn gốc thuộc một phần trong tổng diện tích hơn 03 ha đất của ông Nguyễn Văn V (cha bà Nguyễn Thị H) được chế độ cũ (Việt Nam Cộng Hòa) cấp trích lục địa bộ ngày 25/5/1973. Ông V chết năm 1968, toàn bộ diện tích đất trên do bà H trực tiếp canh tác. Năm 1978-1979, thực hiện chủ trương, chính sách đất đai của Nhà nước, bà H thừa nhận đã đưa toàn bộ diện tích đất nêu trên vào Tập đoàn sản xuất (Hợp tác xã) xã H để sản xuất nông nghiệp tập thể.

[2] Sau năm 1981, Tập đoàn sản xuất nông nghiệp giải thể thì toàn bộ các thửa đất trên được giao cho các hộ xã viên sử dụng gồm: Hộ ông Nguyễn Văn C sử dụng Thừa đất số 20, 21 Tờ bản đồ số 5; hộ ông Nguyễn Văn L sử dụng Thừa đất số 30, 31, 42 Tờ bản đồ số 5; hộ ông Lê Văn T sử dụng Thừa đất số 41, Tờ bản đồ số 5 (ông T chết, chị Lê Thị Kim T là con tiếp tục quản lý, sử dụng); hộ bà Đặng Thị L sử dụng Thừa đất số 43, Tờ bản đồ số 7 (bà L chết, bà Đặng Thị Đ là em của bà L tiếp tục sử dụng); hộ ông Nguyễn Văn L sử dụng Thừa đất số 3, 4 Tờ bản đồ số 12 (ông L chết năm 2005, anh Nguyễn Quốc V là con tiếp tục quản lý, sử dụng).

[3] Như vậy, toàn bộ các thửa đất nêu trên bà H đã đưa vào Tập đoàn sản xuất nông nghiệp để sử dụng theo chính sách đất đai của Nhà nước. Sau đó, Nhà nước đã giao cho các hộ xã viên để các hộ này tiếp tục sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp. Theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Luật đất đai năm 2003 (nay là khoản 5 Điều 26 Luật đất đai 2013) thì “*Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa,*

Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam". Do đó, bà H không còn quyền sử dụng đối với các thửa đất nêu trên.

[4] Ngày 09/5/2000, bà H kê khai, đăng ký đề nghị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất nêu trên. Ngày 31/7/2009, UBND thành phố B cấp 09 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tương ứng với 09 thửa đất cho bà Nguyễn Thị H. Quá trình kê khai, đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 09 thửa đất nêu trên cho bà H thể hiện: Khi xét duyệt hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng quy định vì, UBND xã H không tiến hành kiểm tra thực tế, chỉ căn cứ theo hồ sơ kê khai của bà H cung cấp nên không phát hiện những người đang quản lý, sử dụng đất và canh tác thực tế từ năm 1981 đến nay, không hỏi ý kiến những người đang sử dụng đất này; Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh B không tiến hành kiểm tra hiện trạng thực địa, không lập Biên bản xác định ranh giới, mốc giới theo quy định mà chỉ xuất Trích lục bản vẽ thửa đất, sử dụng Biên bản ranh giới, mốc giới được lập từ năm 1998 (có dấu hiệu bị tẩy xóa, chỉnh sửa tên người sử dụng đất) để đề nghị UBND phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H là không đúng quy định của pháp luật.

[5] Do vậy, ngày 29/02/2016, UBND thành phố B ban hành 07 quyết định gồm: Quyết định số 731/QĐ-UBND, số 732/QĐ-UBND, số 733/QĐ-UBND, số 734/QĐ-UBND, số 735/QĐ-UBND, số 736/QĐ-UBND và số 737/QĐ-UBND thu hồi 07 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà H (tương ứng với các thửa đất gồm: Thửa đất số 31, Tờ bản đồ số 5; Thửa đất số 3, 4, Tờ bản đồ số 12; Thửa đất số 30, Tờ bản đồ số 5; Thửa đất số 43, Tờ bản đồ số 7; Thửa đất số 21, Tờ bản đồ số 5 và Thửa đất số 20, Tờ bản đồ số 5) và ngày 07/10/2016, UBND thành phố B ban hành các Quyết định số 6116/QĐ-UBND, Quyết định số 6117/QĐ-UBND thu hồi 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà H đối với các Thửa đất số 41, 42, Tờ bản đồ số 5 xã H với lý do việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất nêu trên cho bà Nguyễn Thị H là không đúng đối tượng sử dụng đất là có căn cứ.

[6] Quá trình giải quyết vụ án, bà H xuất trình các tài liệu chứng cứ là "Giấy xác nhận không đăng ký ruộng" ghi ngày 14/4/2000, có nội dung: Những xã viên đang sử dụng đất gồm ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn N, ông Lữ N, ông Lê Minh T, ông Huỳnh Văn U, bà Đặng Thị Đ đều đồng ý (ký tên) không đăng ký quyền sử dụng đất mà giao lại cho bà H để bà H đăng ký quyền sử dụng đất; các biên lai thu thuế sử dụng đất thể hiện bà H đã thực hiện nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp từ năm 1994-2002, năm 2001-2002; bản sao Biên bản hòa giải tranh chấp đất đai của UBND xã H, thành phố B ngày 07/4/2015 giữa bà H và các hộ dân đang sử dụng đất có nội dung các hộ dân có ý kiến phần đất ruộng họ đang trực tiếp sản xuất do

được Hợp tác xã cấp cho từ năm 1978, quá trình sử dụng có đóng thuế đầy đủ, nay bà H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đề nghị bà H phải hỗ trợ phần nào công sức cho các hộ dân.

[7] Các Thửa đất số 20, 21, 30, 31, 41, 42, Tờ bản đồ số 5 tại xã H hiện do hộ gia đình ông Nguyễn Văn C, hộ gia đình ông Nguyễn Văn L, hộ gia đình chị Lê Thị Kim T quản lý, sử dụng; Thửa đất số 43, Tờ bản đồ số 7 tại xã H hiện do hộ gia đình bà Đặng Thị Đ quản lý, sử dụng và Thửa đất số 3, 4 Tờ bản đồ số 12 tại xã H hiện do hộ gia đình anh Nguyễn Quốc V quản lý, sử dụng. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập những người đang quản lý, sử dụng đất này vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm cho những người đang quản lý, sử dụng đất này không thực hiện được quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình, dẫn đến quyền, lợi ích hợp pháp của họ không được đảm bảo theo quy định của pháp luật.

[8] Như vậy, Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng chưa có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện toàn bộ những phần đất mà UBND thành phố B đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H vào năm 2009 đã được đưa vào tập đoàn sản xuất từ những năm 1978-1979; thời điểm bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có sự tranh chấp, những người đang trực tiếp sử dụng đất đồng ý, trả lại đất cho bà H, nên việc bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là phù hợp; cho đến năm 2015 thì những hộ dân sử dụng đất mới có khiếu nại và họ cũng chỉ khiếu nại về việc tính công sức của đương sự khi sử dụng đất, yêu cầu bà H phải bồi thường thỏa đáng cho họ. Trong trường hợp này, đúng ra việc tranh chấp giữa các đương sự phải được xem xét, giải quyết bằng vụ án dân sự khác chứ không phải giải quyết bằng cách thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà H, từ đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, hủy các quyết định của UBND thành phố B, tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà H nêu trên là không đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 266; Điều 271; khoản 3 Điều 272 và Điều 274 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 08/2021/KN-HC ngày 18/3/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

2. Hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 182/2018/HC-PT ngày 07/6/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2017/HC-ST ngày 31/10/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai để xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Viện trưởng VKSNDTC (để biết);
- TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đồng Nai (kèm hồ sơ vụ án);
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai (để biết);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (để biết);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Vụ GDKT III (2), VP (TANDTC), Thư ký Thẩm phán, HSVA, Ths.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thuần